

BÁO CÁO

**Về việc đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Đường giao thông
kết nối Tỉnh lộ 676 tỉnh Kon Tum đi xã Trà Vinh, huyện
Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch Tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 69/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kon Plông đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 4797/UBND-KTTH ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc triển khai Nghị Quyết số 69/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;

Ủy ban nhân dân huyện KonPlông kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Đường

giao thông kết nối Tỉnh lộ 676 tỉnh Kon Tum đi xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My tỉnh Quảng Nam với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông kết nối Tỉnh lộ 676 tỉnh Kon Tum đi xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My tỉnh Quảng Nam.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện KonPlông.

3. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư:

- Trong những năm qua hệ thống đường giao thông của huyện đã được đầu tư đến các thôn, làng. Đường Tỉnh lộ 676 được đầu tư đến thôn Nước Lai, xã Đăk Nên. Dự án thủy điện Đăk Đrinh đầu tư đoạn tránh ngập lòng hồ nối tiếp Tỉnh lộ 676 hiện trạng đến UBND xã Đăk Nên mới, đoạn này nằm trong Quy hoạch Quốc lộ 24D. Đoạn từ UBND xã Đăk Nên đến thôn Tu Rét (thôn 9 – xã Đăk Nên) được đầu tư để phục vụ tái định cư tại thôn Vương, liền kề thôn Tu Rét.

- Hiện nay đường giao thông từ xã Trà Vinh đi thôn Đăk Ru, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam đã được phê duyệt dự án (*Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam*) và đang triển khai thi công đến ranh giới tỉnh Kon Tum thuộc địa bàn thôn Tu Rét, xã Đăk Nên, huyện KonPlông. Ngày 14/02/2017 UBND huyện KonPlông và UBND huyện Nam Trà My thỏa thuận việc đầu nối giao thông dự án đường giao thông xã Trà Vinh đến Đăk Ru và đề xuất xây dựng đoạn tuyến thuộc địa phận huyện KonPlông.

- Đoạn tuyến từ Tỉnh lộ 676 hiện trạng (thôn Tu Rét, xã Đăk Nên) đến giáp dự án Đường giao thông từ xã Trà Vinh đi thôn Đăk Ru hiện chưa có đường, đoạn giáp xã Trà My dài khoảng 300m là đường mòn dân sinh rộng 0,5m, xe máy không đi lại được, đầu tuyến cắt qua suối Nam Vo dài khoảng 1,9km, phía Tây Bắc tuyến là đất rừng sản xuất trồng cau, mì..., phía Đông Nam tuyến là cánh đồng lúa của nhân dân.

- Để kết nối hai tỉnh Kon Tum và Quảng Nam, tạo điều kiện thuận lợi giao lưu văn hóa, xã hội, thông thương kinh tế cũng như việc đi lại sản xuất của nhân dân qua suối Nam Vo của nhân dân (thôn Tu Rét và thôn Vương), việc đầu tư tuyến đường này là hết sức cần thiết.

4. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

Việc đầu tư xây dựng công trình này phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện KonPlông đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 của UBND tỉnh Kon Tum, được HĐND tỉnh bổ sung vào quy hoạch giao thông tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 10/12/2020.

5. Về sự không trùng lặp với các chương trình, dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư:

Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông báo cáo đề xuất chủ trương xây dựng dự án Đường giao thông kết nối Tỉnh lộ 676 tỉnh Kon Tum đi xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My tỉnh Quảng Nam là đúng quy định, không trùng lặp với các chương trình, dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

6. Mục tiêu, quy mô đầu tư:

6.1. Mục tiêu đầu tư:

- Kết nối giao thông thông suốt hai tỉnh Kon Tum và Quảng Nam. Tạo điều kiện thuận lợi giao lưu văn hóa, xã hội; Việc giao thương kinh tế dễ dàng, thuận tiện. Làm tiền đề để nâng cấp Tỉnh lộ 676 thành Quốc lộ.

- Việc đi lại sản xuất và vận chuyển sản phẩm sản xuất nông nghiệp của nhân dân thôn Tu Rét và thôn Vương, xã Đăk Nền được thuận lợi, góp phần vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo cho bà con vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Góp phần vào việc đảm bảo an ninh quốc phòng vùng sâu, vùng xa.

6.2. Hiện trạng dọc tuyến:

- Hiện trạng chưa có đường, tuyến dự kiến bám theo chân sườn đồi.

- Dọc tuyến chủ yếu là đất trồng cây cau, sắn, một ít ruộng và cây ăn quả như chuối, cam...

6.3. Quy mô đầu tư:

- Điểm đầu: Giao đường Bê tông xi măng (khu vực thôn Tu Rét, xã Đăk Nền). (hiện trạng mặt BTXM rộng 3,5m). Cách UBND xã Đăk Nền về phía Tây Bắc khoảng 4km.

- Điểm cuối: Tại ranh giới tỉnh Kon Tum và tỉnh Quang Nam, giáp đường giao thông xã Trà Vinh – Đăk Ru (quy mô cấp VI miền núi, mặt đường Bê tông rộng 3,5m).

- Chiều dài tuyến khoảng $L= 1,9\text{km}$.

- Cấp đường: Đường cấp V miền núi.

- Tốc độ tính toán: $V= 30\text{km/h}$.

- Độ dốc dọc tối đa: $I_{\max}= 12\%$ (Theo văn bản số 171 của UBND tỉnh Kon Tum).

- Bề rộng nền đường: $B_n= 6,5\text{m}$. Trong đó:

+ Bề rộng mặt đường: $B_m= 3,5\text{m}$.

+ Bề rộng lề đường: $B_l= 2 \times 1,5\text{m}= 3,0\text{m}$.

- Kết cấu mặt đường: BTXM trên lớp móng cấp phối đá dăm.

- Độ dốc ngang mặt đường: $I_m = 2\%$.

- Công trình thoát nước: Công tròn khẩu độ D100cm, D150cm. Kết cấu BTCT, tải trọng H30-XB80.

- Cầu qua suối Nam Vo: Tại Km0+120, khổ cầu $B=5,5+0,5 \times 2=6,5\text{m}$, Cầu BTCT dự ứng lực nhịp $2 \times 24\text{m}$, chiều dài dự kiến 62m. Kết cấu mố, trụ bằng Bê tông cốt thép. Tải trọng thiết kế: HL93 theo tiêu chuẩn 22TCN272-05. (Chiều dài cầu, kết cấu móng sẽ được lựa chọn tính toán khi triển khai dự án theo kết quả khảo sát địa hình, thủy văn, địa chất).

- An toàn giao thông: Cọc tiêu, biển báo, tường hộ lan mềm ... theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ Việt Nam QCVN 41:2019.

7. Địa điểm và phạm vi đầu tư:

- Địa điểm: Xã Đăk Nền, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.
- Diện tích chiếm dụng đất: Khoảng 3,5 ha.

8. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông (Dự án nhóm C).
- Công trình: Cấp IV (theo Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BXD ngày 30/12/2019 của Bộ Xây dựng).

9. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Thực hiện theo quy định hiện hành (dự án không có tái định cư).

10. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Dự kiến tổng mức đầu tư: **35.000 triệu đồng** (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng).

TT	Nội dung	Chi phí (triệu đồng)
1	Chi phí bồi thường- GPMB	766
2	Chi phí xây dựng	27.392
3	Chi phí QLDA	670
4	Chi phí tư vấn	2.377
5	Chi phí khác	613
6	Chi phí dự phòng	3.182
	Tổng mức đầu tư	35.000

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách tỉnh.

11. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư:

Tiến độ và phân kỳ dự án như sau:

TT	Năm	Ngân sách tỉnh (ĐVT: triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số	35.000	
1	Năm thứ nhất	20.000	
2	Năm thứ hai	15.000	

12. Khái toán sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện:

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

13. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

13.1. Tác động về môi trường, xã hội của dự án:

Đây là công trình giao thông, tuyến bám theo chân sườn núi, nên không có tác động lớn đến vấn đề môi trường, xã hội.

13.2. Sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội của dự án:

- Giao thông thông suốt, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, tăng cường giao lưu văn hóa, xã hội, đời sống của nhân dân ngày càng cải thiện. Tăng niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

- Tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng các công trình phúc lợi như thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tự chảy... đưa các máy móc phục vụ sản xuất đến tận nương rẫy. Công cuộc xóa đói, giảm nghèo cho bà con vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng nhanh và bền vững.

14. Phân chia các dự án thành phần (nếu có): Dự án không phân chia thành các dự án thành phần.

15. Các giải pháp tổ chức thực hiện.

- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

- Phương thức tổ chức thực hiện: Theo đúng quy định hiện hành

- Giải pháp bảo vệ môi trường: Do công trình có quy mô xây dựng không lớn, trong quá trình thi công có biện pháp bảo vệ môi trường hợp lý để không làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung của khu vực. Biện pháp này sẽ thể hiện cụ thể trong quá trình triển khai dự án.

Ủy ban nhân dân huyện KonPlông kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dặng Thanh Nam

BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Đường giao thông kết nối Tỉnh lộ 676 tỉnh Kon Tum đi xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My tỉnh
Quảng Nam

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tích	Thành tiền
I	Chi phí xây dựng	Gxd	Gxd1+Gxd2	27.392.000.000
1	Phần đường	Gxd1		13.009.621.735
2	Phần cầu	Gxd2		14.382.078.928
II	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	Gxd*2,4475%	670.000.000
III	Chi phí tư vấn	Gtv	a1+...+a13	2.377.000.000
1	Chi phí khảo sát lập dự án	a1	Tạm tính	330.000.000
2	Chi phí lập dự án	a2	$Gxd*0,6072\%$	166.324.224
3	Chi phí khảo sát lập TKBVTC	a3	Tạm tính	150.000.000
4	Chi phí thiết kế BVTC	a4	$Gxd*1,2306\%$	337.085.952
5	Chi phí thẩm tra TMĐT	a5	$Gxd*0,1346\%$	12.904.371
6	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	a6	$Gxd*0,1414\%$	38.732.288
7	Chi phí thẩm tra dự toán	a7	$Gxd*0,1361\%$	37.280.512
8	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT xây lắp	a8	$Gxd*0,2229\%$	61.056.768
9	Chi phí giám sát kỹ thuật	a9	$Gxd*2,6438\%$	724.189.696
10	Chi phí giám kiểm định	a10	$a9*35\%$	253.466.394
11	Chi phí đo đạc bản đồ địa chính	a11	20tr/ha	66.000.000
12	Chi phí cắm cọc GPMB	a12	Tạm tính	150.000.000
13	Chi phí tư vấn khác	a13	Tạm tính	50.000.000
IV	Chi phí khác	Gk	b1+...+b9	613.000.000
1	Chi phí bảo hiểm công trình	b1	$b1.1+b1.2$	143.809.301
	<i>Hạng mục đường</i>	<i>b1.1</i>	$Gxd1*0,42\%$	54.640.411
	<i>Hạng mục cầu</i>	<i>b1.2</i>	$Gxd2*0,62\%$	89.168.889
2	Lệ phí thẩm định dự án	b2	$TMĐT*0,0162\%$	5.670.000
3	Chi phí kiểm toán	b3	$TMĐT*0,5231\%*1,1$	201.393.500
4	Chi phí quyết toán	b4	$TMĐT*0,3244\%*50\%$	56.770.000
5	Chi phí thẩm định HSMT và KQ lựa chọn nhà thầu	b5	$Gxd*0,05\%*2$	27.392.000
6	Phí thẩm định thiết kế	b6	$Gxd*0,0296\%/1,1$	7.370.938
7	Phí thẩm định dự toán	b7	$Gxd*0,0286\%/1,1$	7.121.920
8	Chi phí rà phá bom mìn	b8	45tr/ha	148.500.000
	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	b9	Tạm tính	15.000.000
V	Chi phí đền bù	Gdb	Khái toán	766.000.000
VI	Dự phòng phí	Gdp	Gdp1+Gxd2	3.182.000.000
1	Cho yếu tố phát sinh khối lượng	Gdp1	$(Gxd+Gqlda+Gtv+Gk+Gdb)*5\%$	1.590.900.000
2	Cho yếu tố trượt giá	Gdp2	$(Gxd+Gqlda+Gtv+Gk+Gdb)*5\%$	1.590.900.000
VII	Tổng mức đầu tư	TMĐT	Gxd+Gqlda+Gtv+Gk+Gdb+Gdp	35.000.000.000